

APPLICATION OF THE MODEL OF PRACTICAL LEGAL EDUCATION IN HIGHER EDUCATION INNOVATION

Le Huynh Phuong Chinh*, Pham Ngoc Lan Anh, Tran Thi My Duyen

Can Tho University

ARTICLE INFO

Received: 26/7/2023
Revised: 12/9/2023
Published: 12/9/2023

KEYWORDS

Legal Education Model
 Practical Legal Education Higher
 Education Innovation
 Law Schools
 Application Methods

ABSTRACT

In countries belonging to the Common law legal system, law teaching at the university level often applies the model of practical legal education. Since the 2010s, Vietnamese law training institutions have started to pay attention to and develop this model. The article uses historical methods, qualitative methods, combined with objective research methods to study the experience of practical legal education in the world. At the same time, based on the actual survey of building practical legal education programs in Vietnam, the authors will in turn introduce and analyze each method of the practical legal education model. The article also evaluates a number of typical contributions and shortcomings in the application of this model to serve the goal of educational innovation at the university level in the field of law. This will be the basis for future proposals so that higher education institutions can apply this model.

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THỰC HÀNH TRONG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Lê Huỳnh Phương Chinh*, Phạm Ngọc Lan Anh, Trần Thị Mỹ Duyên

Trường Đại học Cần Thơ

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 26/7/2023
Ngày hoàn thiện: 12/9/2023
Ngày đăng: 12/9/2023

TỪ KHÓA

Mô hình giáo dục pháp luật
 Giáo dục pháp luật thực hành
 Đổi mới giáo dục đại học
 Cơ sở đào tạo luật
 Phương thức ứng dụng

TÓM TẮT

Ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Common law, hoạt động giảng dạy luật ở bậc đại học thường ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành. Từ những năm 2010, các cơ sở đào tạo luật Việt Nam bắt đầu quan tâm và phát triển mô hình này. Bài viết sử dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp định tính, kết hợp cùng phương pháp nghiên cứu khách quan để nghiên cứu kinh nghiệm giáo dục pháp luật thực hành trên thế giới. Đồng thời, dựa trên khảo sát thực tiễn xây dựng chương trình giáo dục pháp luật thực hành ở Việt Nam, nhóm tác giả sẽ lần lượt giới thiệu, phân tích từng phương thức của mô hình giáo dục pháp luật thực hành. Bài viết cũng thực hiện đánh giá một số đóng góp tiêu biểu, cùng những tồn tại trong ứng dụng mô hình này phục vụ mục tiêu đổi mới giáo dục ở bậc đại học theo chuyên ngành luật. Đây sẽ là nền tảng cho việc đề xuất về sau để các cơ sở giáo dục đại học đào tạo có thể vận dụng mô hình này.

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8416>

* Corresponding author. Email: lhpcinh@ctu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Một trong những đột phá chiến lược mà Nghị Quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định là: *“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài...”* [1]. Trong giảng dạy luật, mô hình giáo dục pháp luật thực hành được xem là ứng dụng đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo. Khi vận dụng mô hình này, giảng viên hướng đến tăng cường các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên luật.

Xét về lịch sử, vào những năm 1960, các hoạt động ban đầu của mô hình giáo dục pháp luật thực hành khởi nguồn tại Hoa Kỳ [2, tr. 5]. Đến những năm 1970, mô hình thực hành trong giáo dục pháp luật mở rộng ra Úc [3, tr. 37], [4, tr. 7], Canada [5, tr. 443], Anh, Nam Phi và Ấn Độ. Các quốc gia khác trên khắp Đông Âu, Mỹ Latinh, Hong Kong [6, tr. 229-258], châu Á [7, tr. 1-23], châu Phi [8, tr. 23-28] bắt đầu vận dụng một số phương thức giáo dục pháp luật thực hành vào những năm 1990 và đến thế kỷ XX. Ở Việt Nam, một khoảng thời gian khá dài, hệ thống giáo dục luật ở bậc đại học chủ yếu dựa trên bài giảng lý thuyết truyền thống. Điều này được thể hiện rất rõ trong cấu trúc chương trình giảng dạy luật học.

Trước những năm 2010, một số ít cơ sở đào tạo luật có kết nối với các công ty luật, các trung tâm trợ giúp pháp lý được thành lập tại các trường đại học có đào tạo chuyên ngành luật. Một số mô hình giáo dục pháp luật thực hành ở thời điểm khởi đầu này đã mang lại bầu không khí tươi mới và môi trường tiềm năng cho hoạt động đào tạo giáo dục pháp lý theo hướng thực hành tại Việt Nam. Trong giai đoạn đầu, mô hình “Legal Ad by Legal Institution” này được Quỹ Hỗ trợ phát triển của Liên Hiệp quốc (UNDP), Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA), Tổ chức nhịp cầu phát triển hoạt động thực hành giáo dục pháp luật thực hành Đông Nam Á (BABSEA-CLE) hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật để thành lập và vận hành.

Đến giai đoạn sau năm 2010, thông qua chương trình tăng cường giáo dục pháp lý, thuật ngữ giáo dục pháp luật thực hành đã được Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc đề cập. Theo xu hướng đó, các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam cần trang bị cho sinh viên kỹ năng để thực hành nghề phù hợp với chuyên ngành. Nhu cầu này đòi hỏi phải đổi mới hoạt động giáo dục luật ở bậc đại học. Theo đó, mô hình giáo dục pháp luật được vận dụng hướng đến chuẩn đầu ra nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa có kiến thức vừa có kinh nghiệm thông qua trải nghiệm, đủ năng lực phục vụ cho hệ thống pháp luật ở các vai trò khác nhau từ thẩm phán, luật sư, hay cố vấn pháp lý [9].

Một cách khái quát, giáo dục pháp luật thực hành được mô tả là mô hình bao gồm nhóm nhỏ hoặc những cá nhân tổ chức học tập theo cách thức trải nghiệm các hoạt động thực hành luật diễn ra trên thực tế. Dựa trên những kiến thức pháp luật đã được học, cùng với sự giám sát chuyên môn từ giảng viên và đối tác chuyên môn, trong những vụ việc pháp lý thực tế hoặc mô tả dựa trên thực tế điển hình, sinh viên sẽ đảm trách hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng là nhóm người yếu và những cá nhân đang có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ pháp lý. Thông qua việc tự mình thiết lập, kết nối, duy trì, mỗi sinh viên được nhận phản hồi cho công việc tham gia. Song song, quá trình trải nghiệm của sinh viên cũng hình thành nên yếu tố đạo đức nghề nghiệp khi xem xét, đánh giá việc vận dụng pháp luật vào những tình huống thực tế phát sinh từ cuộc sống [10, tr. 206], [11, tr. 5-9].

Việc triển khai mô hình giáo dục pháp luật thực hành trong đổi mới giáo dục đại học đòi hỏi phải kết hợp với cải tiến hệ thống đào tạo luật theo hướng mở. Bởi lẽ, các hoạt động giáo dục pháp luật thực hành được vận dụng trên nền tảng kết nối với các cơ quan hữu quan, luật sư, nhà tài trợ và các nhóm xã hội khác. Sự kết nối giữa các bên để đảm bảo sinh viên luật có cơ hội được thực hành kỹ năng chuyên môn, có khả năng chuyển giao lượng kiến thức về luật đã học được vào các hoạt động giáo dục pháp luật cộng đồng, tư vấn hỗ trợ pháp lý hoặc đại diện cho khách hàng trong các vấn đề có liên quan đến pháp luật. Đồng thời, thông qua mô hình giáo dục pháp luật thực hành, sinh viên được cung cấp kỹ năng chuyên sâu để hỗ trợ khả năng tiếp cận công lý của cộng đồng, để đảm

bảo rằng công lý và pháp quyền xã hội chủ nghĩa không phân biệt theo giai cấp, địa vị, giới tính, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình - vốn dĩ là giá trị cốt lõi trong giáo dục pháp lý.

Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm đánh giá những đóng góp của mô hình giáo dục pháp luật thực hành trong việc đổi mới giáo dục đại học chuyên ngành luật, nhận định những hạn chế trong triển khai, ứng dụng này vào thực tiễn đào tạo luật. Đồng thời, nhóm tác đề xuất một số giải pháp trong việc đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo luật theo tinh thần đổi mới hoạt động giáo dục, nghiên cứu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện bài viết này, nhóm tác giả đã sử dụng chủ yếu phương pháp lịch sử, phương pháp định tính và phương pháp phân tích khách quan để nghiên cứu các giai đoạn của quá trình hình thành và phát triển mô hình giáo dục pháp luật thực hành ở các nước. Từ đó, nhóm tác giả tiếp tục sử dụng phương pháp liệt kê, phân tích những thực trạng khi triển khai và ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành trong hoạt động đào tạo chuyên ngành luật. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả sử dụng phương pháp suy luận, diễn giải nhằm đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình giáo dục pháp luật thực hành phù hợp với tiến trình đổi mới giáo dục đại học.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Các phương thức ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành để đổi mới giáo dục đại học trong chuyên ngành luật

Các phương thức chủ yếu trong mô hình giáo dục pháp luật thực hành bao gồm: Giảng dạy pháp luật cộng đồng; Tư vấn và trợ giúp pháp lý; Tham gia học phần thực hành nghề luật tự chọn. Khi vận hành mô hình giáo dục pháp luật thực hành, các hoạt động nêu trên có thể được cơ sở đào tạo luật áp dụng lần lượt hoặc đồng thời, song song cùng lúc. Điều này tùy thuộc vào định hướng, điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực của chính cơ sở đào tạo luật trong chiến lược đổi mới giáo dục đại học.

Một là, mô hình giáo dục pháp luật thực hành thông qua tổ chức hoạt động giảng dạy pháp luật cộng đồng. Ở phương diện này, sinh viên được giới thiệu và định hướng lựa chọn một chủ đề pháp luật cần thiết trong một cộng đồng dân cư. Trên cơ sở đó, sinh viên tự thiết kế kế hoạch trình bày, diễn giải chủ đề pháp luật ra cộng đồng sao cho có tính thuyết phục, trên cơ sở lựa chọn những phương pháp tiếp cận, trình bày phù hợp. Khi sinh viên tham gia vào toàn bộ quá trình này, bản thân sinh viên khám phá ra những kỹ năng cần thiết để phổ biến pháp luật vào cuộc sống. Mô hình giảng dạy pháp luật cộng đồng như mô tả, một số nước thường gọi là “Street law” [12]. Việc trao quyền chủ động và yêu cầu sinh viên luật tự mình khai thác nhu cầu pháp luật của cộng đồng là mục tiêu trong đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy luật.

Hai là, mô hình giáo dục pháp luật thực hành còn thể hiện ở phương diện hoạt động tư vấn và trợ giúp pháp lý. Đối với hình thức này, thông qua việc tiếp nhận các vụ việc có liên quan đến pháp luật từ thực tế, trong đó, ưu tiên cho những người đến từ những cộng đồng yếu thế như người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người làm công (tạm gọi là khách hàng). Các đối tượng như đã nêu khi phát sinh các vấn đề pháp lý cần hỗ trợ, họ có thể yêu cầu sinh viên tư vấn và trợ giúp pháp lý. Lưu ý là tất cả các công đoạn sinh viên tiến hành đều được đặt dưới sự giám sát và hỗ trợ trực tiếp của giảng viên và các luật sư cộng tác.

Ba là, hoạt động thực hành luật còn được cụ thể hoá thành một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo luật ở bậc đại học. Học phần này được thiết kế theo hướng một môn học về kỹ năng và nhấn mạnh vào các hoạt động thực hành luật để sinh viên tham gia trải nghiệm. Trong khuôn khổ của học phần, sinh viên được cung cấp các quy trình, yêu cầu, kỹ năng cho từng hoạt động thực hành luật. Nội dung này không được truyền đạt theo dạng lý thuyết suông mà thông qua các hoạt động vận dụng có trao đổi, tương tác giữa các bên đặt dưới sự giám sát, hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên.

3.2. Những đóng góp của mô hình giáo dục pháp luật thực hành trong đổi mới giáo dục đại học theo chuyên ngành luật

Thứ nhất, các phương thức hoạt động thực hành luật đã mở ra cách thức tiếp cận lý thuyết luật học theo kiểu mới, tạo môi trường cho sinh viên tự vận dụng kiến thức pháp luật một cách chủ động và hứng khởi. Trong quá trình thực hành luật, sinh viên được tự mình xác lập, lựa chọn, đánh giá, đề xuất, trình bày những vấn đề pháp lý, tư vấn, hỗ trợ pháp lý. Quá trình này góp phần hình thành nên lòng yêu nghề, đam mê tìm tòi, nghiên cứu các vấn đề pháp lý. Đồng thời, bản thân mỗi sinh viên khi tham gia cũng tự xác lập được các giá trị và ý nghĩa của việc học luật đối với bản thân, xã hội và cộng đồng. Mô hình này tạo ra sự sinh động, hấp dẫn trong đào tạo luật ở bậc đại học, phù hợp với tinh thần khai phóng trong đổi mới giáo dục đại học.

Thứ hai, với việc lựa chọn chủ đề pháp luật, tiếp cận cộng đồng, tổ chức hoạt động giảng dạy pháp luật, phương thức thực hành luật giúp sinh viên hình thành, rèn luyện được kỹ năng lựa chọn vấn đề, trình bày, thuyết trình, tổ chức làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch, quản lý thời gian, xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp, thuyết phục và kết nối với cộng đồng. Những kỹ năng trên có liên quan chặt chẽ đến thành công của một cử nhân luật trong thực tiễn nghề nghiệp. Do vậy, đây được coi là đóng góp tích cực của mô hình giáo dục pháp luật thực hành luật để đổi mới giáo dục.

Thứ ba, ở phương diện tư vấn và hỗ trợ pháp lý, sinh viên luật được thực sự tham gia vào một trong những hoạt động nghề nghiệp phổ biến. Với tư cách là người trực tiếp trao đổi, phỏng vấn khách hàng, sinh viên phải đảm bảo kỹ năng sàng lọc thông tin, kết nối thông tin với những vấn đề pháp lý mà khách hàng đang gặp phải. Trên cơ sở đó, chính sinh viên sẽ tự nghiên cứu vụ việc, tìm kiếm các giải pháp pháp luật để tư vấn, hỗ trợ khách hàng. Quá trình này, định hình cho sinh viên môi trường thực hành luật tương tự như môi trường mà sinh viên sẽ thực sự tham gia sau khi tốt nghiệp. Từ đây, những định hướng nghề nghiệp cũng được hình thành để sinh viên cân nhắc, lựa chọn. Có thể thấy, phương thức hoạt động trong mô hình giáo dục pháp luật thực hành kiến tạo cho sinh viên kỹ năng vận dụng, giải quyết vấn đề pháp lý trong thực tiễn. Điều này tương thích với một trong những mục tiêu của đổi mới giáo dục đại học là phải gắn giữa đào tạo và nhu cầu của xã hội.

Theo nguyên tắc trong hoạt động giáo dục pháp luật thực hành, tất cả các công đoạn thực hành luật trong hoạt động tư vấn pháp luật đều được đặt dưới sự giám sát của giảng viên hoặc chuyên gia/lawyer cộng tác. Phương diện này là cơ sở lý tưởng để giảng viên đánh giá mức độ tiếp nhận kiến thức của sinh viên. Từ đó, giảng viên có thể xác lập, bổ sung, điều chỉnh những nội dung kiến thức phù hợp hơn với thực tế và trình độ, khả năng của sinh viên. Điều này góp phần đáp ứng hiệu quả yêu cầu đổi mới giáo dục đại học. Đồng thời, việc giám sát, hỗ trợ sinh viên cũng góp phần tạo ra sự gắn kết giữa người dạy và người học trong quá trình đào tạo luật. Trường hợp các vụ việc có sự tham gia giám sát của chuyên gia/ luật sư cộng tác, hoạt động này có thể giải quyết bài toán về nguồn nhân lực phù hợp cho các văn phòng luật sư/công ty luật hiện nay. Thông qua quá trình giám sát, hỗ trợ, bản thân các luật sư cộng tác cũng có điều kiện để đánh giá, chọn lựa những sinh viên đạt yêu cầu tuyển dụng hoặc có thể kết hợp cộng tác cho hoạt động nghề nghiệp của họ.

Thứ tư, đối với phương diện hoạt động thực hành luật được coi là môn học tự chọn, những tác động tích cực trong đổi mới giáo dục đại học được nhận thấy là:

Việc đưa học phần giáo dục pháp luật thực hành vào chương trình đào tạo luật góp phần làm phong phú hơn hệ thống nhóm các môn học tự chọn; mở ra tiền đề tiếp tục xây dựng những môn học thuộc nhóm kỹ năng mềm, phù hợp với xu hướng giáo dục mới tại các cơ sở đào tạo hiện nay. Ngoài ra, mô hình giáo dục pháp luật thực hành còn đảm bảo yêu cầu liên quan đến chương trình học thiết thực, gắn kết với nhu cầu xã hội. Đồng thời, nó cũng tạo nên nét đặc trưng riêng thu hút đối tượng người học đăng ký vào chuyên ngành luật học.

Mô hình này còn góp phần tạo ra tính ứng dụng của hoạt động thực hành luật vào những môn học khác trong chương trình đào tạo luật. Sinh viên tham gia vào mô hình thực hành luật đã hình

thành kỹ năng thực hành. Do vậy, khi giảng viên yêu cầu thực hiện các hình thức bài tập nhóm, báo cáo nhóm, tranh luận - phản biện, xây dựng kế hoạch hoặc thực hiện các hoạt động thực tế để làm bài thu hoạch,... thông qua các kỹ năng đã được hình thành và có điều kiện rèn luyện trong học phần giáo dục pháp luật thực hành, sinh viên luật thực hiện yêu cầu của giảng viên tốt hơn.

Về phía giảng viên, các hoạt động được giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện song song với nội dung lý thuyết sẽ quay lại tương hỗ cho môn thực hành luật. Điều này góp phần tạo ra sự tương thích giữa môn thực hành luật với những môn học luật khác.

Thứ năm, trong quá trình thực hành luật, sinh viên tiếp xúc và mang các kiến thức pháp luật đến phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng. Trên cơ sở đó, sinh viên luật tự mình trả lời được câu hỏi học luật có ích gì cho bản thân và xã hội. Ngoài ra, khi chính sinh viên thiết lập các mối quan hệ với cộng đồng và giải quyết các vấn đề pháp luật, sinh viên cũng trang bị cho mình những cơ hội được thể hiện, đề được ghi nhận và tìm kiếm cơ hội việc làm về sau.

3.3. Một số hạn chế và tồn tại của mô hình giáo dục pháp luật thực hành từ thực tiễn đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong chuyên ngành luật

Một là, từ góc độ thực tiễn áp dụng tại Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ, môn học tự chọn thực hành nghề luật được đưa vào chương trình đào tạo từ năm học 2013-2014 [8]. Cho đến khi Nghị Quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 01 tháng 02 năm 2021 đề ra yêu cầu về đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, mô hình này được đánh giá là yếu tố thu hút sinh viên theo chuyên ngành luật. Tuy nhiên, chính sự mới mẻ của nó là một trong những thách thức khi duy trì môn học trong chương trình đào tạo luật. Yêu cầu từ môn học đòi hỏi đội ngũ giảng viên phụ trách vừa thực hiện các yêu cầu của chương trình thực hành luật, vừa tiếp thu, đúc kết kinh nghiệm để tự mình hoàn thiện, phát triển đa dạng hơn các hoạt động về thực hành luật. Cho nên, hạn chế về nguồn nhân lực tham gia chương trình giáo dục pháp luật thực hành vốn là một trong những tồn tại cần được khắc phục để có thể phát triển bền vững mô hình giáo dục pháp luật thực hành.

Hai là, một trong những tồn tại gắn với nhu cầu xây dựng giáo trình hoàn chỉnh, phù hợp cho môn học thực hành luật tại các cơ sở đào tạo luật có vận dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành. Các cơ sở đào tạo phải xác định chi tiết các nội dung, phương thức triển khai xây dựng giáo trình, đảm bảo không sa đà vào lý thuyết để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy luật phù hợp với chuẩn đầu ra được xác định tương ứng với chương trình đào tạo của mỗi trường. Theo đó, do đặc thù của mô hình giáo dục pháp luật thực hành, phải hướng đến các hoạt động thực hành, trải nghiệm, cho nên, việc xây dựng giáo trình phù hợp là điều cần phải cân nhắc, đòi hỏi phải tham khảo, học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước.

Ba là, chương trình thực hành luật được mô tả như một trong những chương trình mà ở đó các hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức pháp luật đều do sinh viên tự mình chủ động tiến hành, trải nghiệm để rèn luyện kỹ năng. Tuy nhiên, toàn bộ các hình thức hoạt động, các công đoạn của chương trình đều đặt dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, cùng một số luật sư cộng tác với các tổng kết đánh giá cẩn trọng và đúng quy trình. Do vậy, một trong những yếu tố để chương trình thực hành luật có thể thành công chính là sự gắn kết đội ngũ giảng viên của hầu hết các môn học với các hoạt động trong khuôn khổ của chương trình thực hành. Đơn cử, trong phương diện tư vấn và hỗ trợ pháp lý, kết quả của hoạt động tư vấn pháp lý do sinh viên tiến hành sẽ thiếu tính thuyết phục nếu giảng viên phụ trách môn học tương ứng không tham gia giám sát, nhận xét và cho ý kiến về các phương án pháp lý mà sinh viên đã chuẩn bị. Cho nên, nhằm đảm bảo tính hiệu quả của mô hình giáo dục pháp luật thực hành thì việc gắn kết giữa các giảng viên, bao gồm cả giảng viên không trực tiếp tham gia giảng dạy môn thực hành luật cùng với các hoạt động thực hành luật luôn được duy trì. Mối quan hệ tương hỗ qua lại lẫn nhau cần được đảm bảo dài lâu. Vấn đề này đôi khi là một trong những tồn tại trong quá trình phát triển mô hình giáo dục pháp luật thực hành do phụ thuộc vào chiến lược và định hướng phát triển của mỗi cơ sở giáo dục đào tạo ở mỗi giai đoạn.

Bốn là, do hoạt động thực hành luật đặt ra yêu cầu sinh viên phải tham gia vào thực tế vận dụng pháp luật, nên vấn đề kết nối mở rộng giữa cơ sở đào tạo luật theo chương trình giáo dục pháp luật thực hành và đội ngũ các chuyên gia/lawyer cộng tác cũng cần phải được chú trọng. Mạng lưới này đòi hỏi thời gian và công sức để có thể tiếp tục, duy trì và mở rộng mạng lưới kết nối các hoạt động giáo dục pháp luật thực hành. Trên cơ sở đó, hiệu quả của việc nâng cao chất lượng giảng dạy luật ở bậc đại học theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra. Do vậy, một trong những tồn tại trong phát triển mô hình giáo dục pháp luật thực hành là bài toán về thời gian, năng lực tài chính để duy trì mạng lưới.

4. Kết luận

Tóm lại, xuất phát từ yêu cầu đổi mới giáo dục đại học theo xu hướng tự chủ, mô hình giáo dục pháp luật thực hành được hình thành và triển khai trong hoạt động đào tạo luật. Mô hình định hướng cho sinh viên được tự mình thực hiện, trải nghiệm, đánh giá quá trình vận dụng pháp luật vào các hoạt động thực hành. Trên cơ sở đó, sinh viên luật hình thành, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Hoạt động thực hành luật được thể hiện qua ba phương diện: giảng dạy pháp luật cộng đồng, tư vấn hỗ trợ pháp lý và môn học tự chọn về thực hành luật. Mỗi phương thức đều hướng đến những tác động tích cực đến quá trình học tập, rèn luyện và phát triển về chuyên môn của sinh viên và giảng viên trong đổi mới giáo dục đại học theo chuyên ngành luật, qua đó tăng cường năng lực học tập nghiên cứu luật học. Từ thực tiễn vận dụng, một số tồn tại trong ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành đã được nhóm tác giả đề cập. Trên cơ sở xác định được tồn tại, định hướng cần thiết sắp tới cần gắn với việc hoàn thiện để ứng dụng mô hình này trong tiến trình đổi mới giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Communist Party of Vietnam, "Orientation to the development of the country in the period of 2021-2030," Resolution of the 13th National Congress by the Communist Party of Vietnam, February 01, 2022.
- [2] P. Schrag and M. Melsner, *Reflections on Clinical Legal Education*, Northeastern University Press, 1998, p. 5.
- [3] J. Giddings, "A Circle Game: Clinical Legal Education in Australia," *Legal Education Review*, vol. 10, no. 1, p. 37, 1990.
- [4] J. Giddings, "Clinical Legal Education in Australia: A Historical Perspective," *International Journal of Clinical Legal Education*, vol. 3, no. 1, p. 7, 2003.
- [5] S. Gavigan, "Twenty-five years of Dynamic Tension: The Parkdale Community Legal Services Experience," *Osgoode Hall Law Journal*, vol. 35, no. 3, p. 443, 1997.
- [6] S. Caplow, "Clinical Legal Education in Hong Kong: A Time to Move Forward," *Hong Kong Law Journal*, vol. 36, pp. 229-258, 2006.
- [7] D. McQuoid-Mason, "Law Clinics at African Universities: An Overview of the Service Delivery Component with Passing References to Experience in South and South-East Asia," *Journal for Juridical Science* 1, Special Issue, pp. 1-23, 2008.
- [8] Ibid, "The first All-African Colloquium on Clinical Legal Education was held in 2003 with participants from across the continent. Open Society Justice Initiative," *Combining Learning and Legal Aid: Report on the First All-Africa Colloquium on Clinical Legal Education*, pp. 23-28, June 2003.
- [9] School of Law, "Commercial Law Training Program," Can Tho University, August 24, 2022. [Online]. Available: https://www.ctu.edu.vn/ctdt/k48/57_7380101_Luat_ThuongMai.pdf. [Accessed July 09, 2023].
- [10] J. Didding, "Using Clinical Methods to Teach Alternati. Dispute Resolution: Developments at Griffith University," *Australian Dispute Resolution Journal*, vol. 9, no. 3, p. 206, 1999.
- [11] M. Sidel et al, "Building Clinical Legal Education in Vietnam," *Final Report on Clinical Legal Education, Resource Paper Perpaed for UNDP Vietnam*, pp. 5-9, 2010.
- [12] D. F. Chavkin, *A textbook for law school clinical programs Clinical legal education*. Anderson Publishing Co, Cincinnati, Ohio, 2002.